

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Tuần 4

Thời gian: Từ ngày 27/9 đến 02/10/2021

LÃO HẠC

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Nam Cao (1915- 1951)
- Là nhà văn đã có đóng góp cho nền văn học dân tộc các tác phẩm hiện thực xuất sắc về đề tài người nông dân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏi trong xã hội cũ.

2. Tác phẩm

- Là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nam Cao.
- Đăng báo lần đầu năm 1943.
- Đoạn trích nằm cuối truyện.
- Thể loại: Truyện ngắn
- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

4. Bố cục

- Đoạn 1: Từ “Hôm sau lão sang...thế nào rồi cũng xong”
→ Những việc làm của lão Hạc trước khi chết
- Đoạn 2: còn lại
→ Cái chết của lão Hạc

II. Tìm hiểu văn bản:

1. Nhân vật Lão Hạc:

a. Hoàn cảnh:

- Nhà nghèo
- Vợ mất sớm, một mình nuôi con.
- Con trai phần chí đi làm ở đồn điền cao su.

→ Sống thui thủi một mình, bất hạnh và đáng thương.

b. Tình cảm đối với con chó (cậu Vàng)

- Gọi: Cậu Vàng – xưng ông
- Bắt rận, tắm, gấp thức ăn...
- Trò chuyện, cưng nựng.

→ Thương yêu như con

● *Trước khi bán cậu Vàng*

- Dẫn đo, suy nghĩ
- Bàn bạc với ông giáo

→ Vì cậu Vàng như con, cháu, vừa là kỉ vật duy nhất, rất hệ trọng.

● *Sau khi bán cậu Vàng*

- Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu.
- Mắt: ầng ậng nước
- Mặt: co rúm lại
- Đầu: nghẹo về một bên
- Miệng: móm mém, mếu như con nít
- Hu hu khóc.

→ Nghệ thuật: Miêu tả diễn biến tâm lí tài tình, biết chọn lọc chi tiết tiêu biểu.

→ Đau đớn, khổ tâm đến tột độ pha lẫn xót xa, ân hận, day dứt.

Ông là người yêu thương, trân trọng loài vật, nhân cách sống trong sáng

c. Lão Hạc đối với anh con trai

- Thương con nghèo không lấy được vợ
 - Mong ngóng tin con
 - Bán chó để dành tiền cho con
 - Gửi vườn, gửi tiền lại cho con
 - Thà nhịn đói chứ không đụng đến một đồng của con
- Yêu thương, lo lắng cho con, hi sinh vì con.

d. Cái chết của Lão Hạc

- *Đầu tóc rũ rượi*
- *Quần áo xộc xệch*
- *Vật vĩa*
- *Hai mắt long sòng sọc*
- *Miệng tru tréo, bọt mép sùi ra*
- *Chốc chốc lại co giật...*

→ Cái chết đau đớn, thê thảm và rất dữ dội.

→ Lão Hạc giàu lòng tự trọng, nhân cách cao thượng. Tiêu biểu cho số phận đau khổ của người nông dân trước cách mạng.

2. Nhân vật ông giáo

- Xót xa, ái ngại cho lão Hạc
- Mong muốn giúp đỡ lão

- Hiểu, trân trọng, nể phục lão Hạc
- Có cái nhìn ưu ái, thương xót, cảm thông và trân trọng đối với người nông dân.

III. Tổng kết

Ghi nhớ: sgk/ 48

TỪ TƯỢNG HÌNH – TỪ TƯỢNG THANH

I. Đặc điểm và công dụng

1. Ví dụ: Sgk/48

- Móm mém
- Xông xộc
- Vật vã
- Rũ rượi
- Xộc xệch
- Sòng sọc

→ Gọi tả hình ảnh cụ thể, sinh động và có giá trị biểu cảm cao

► Từ tượng hình

- Hu hu
- Ư ử

→ Gọi âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao

► Tượng thanh

2. Ghi nhớ:

Sgk/49

II. Luyện tập

Bài tập 1:

- Từ tượng hình: rón rén, lẻo khoẻo, chông quèo
- Từ tượng thanh: soàn soạt

Bài tập 2:

- Từ tượng hình gợi tả dáng đi: lom khom, nhẹ nhàng, thoăn thoắt, huỳnh huých, rón rén.

Bài tập 3, 4, 5 học sinh tự làm.

LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I. Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản

Ví dụ 1: sgk/51

- Đoạn 1: tả cảnh sân trường Mĩ Lí trong buổi tựu trường.
- Đoạn 2: nêu cảm giác của nhân vật “tôi” một lần ghé qua thăm trường.

→ Hai đoạn văn không có sự liên kết

Ví dụ 2: sgk/52

- Cụm từ: “Trước đó mấy ngày”

→ Phương tiện liên kết

⇒ Gắn kết các đoạn văn, tạo ra sự liên hệ ý nghĩa giữa các đoạn

Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản

II. Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản

1. Dùng từ ngữ để liên kết

Ví dụ 1

- Bắt đầu...sau...

- Đầu tiên...sau đó...cuối cùng...

- Một là...hai là...ba là...

- Mặt khác...

→ Sử dụng từ ngữ có tác dụng liên kết

Ví dụ 2

- “Nhưng”

- Nhưng, trái lại, tuy vậy, ngược lại, song, thế mà.

→ Quan hệ đối lập

Ví dụ 3:

- “đó”

→ Chỉ từ

Ví dụ 4:

- “nói tóm lại”

→ quan hệ tổng kết, khái quát.

2. Dùng câu để liên kết:

- Câu: “ái dà, lại còn chuyện đi học nữa đây”.

→ liên kết 2 đoạn văn.

- Vì nó nối ý giữa 2 đoạn văn → (đi học)

3. Ghi nhớ

Sgk/53

III. Luyện tập:

Bài 1(sgk/53): Tìm từ ngữ liên kết , chỉ quan hệ ý nghĩa của nó.

a. nói như vậy → ý nghĩa tổng quát, khái quát.

b. thế mà → quan hệ đối lập.

c. “cũng” → nối đoạn 1 với đoạn 2 → liệt kê.

“tuy nhiên” → nối đoạn 2 với đoạn 3 → đối lập.

Bài 2(sgk/53): Điền phương tiện liên kết:

a. từ đó.

b. nói tóm lại.

c. thật khó trả lời.